

Thanh Hải, ngày 30 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024 - 2025

I. THÔNG TIN CHUNG²

- Tên cơ sở giáo dục: Trường tiểu học Thanh Hải.
- Địa chỉ: Thôn An Liệt 2, xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.
- Số điện thoại: 0914755569.
- Địa chỉ Email: th-ththanhhai@haiduong.edu.vn.
- Loại hình trường: Công lập.
- Cổng thông tin điện tử của trường: <http://th-ththanhhai.haiduong.edu.vn>.
- Sứ mệnh: Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, nền nếp, kỷ cương, đạt chất lượng giáo dục cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo, tham gia tích cực vào việc học tập suốt đời, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống.
- Tầm nhìn: Trở thành một trường giáo dục có chất lượng cao, đào tạo những lớp học sinh khoẻ về thể chất, mạnh mẽ về trí lực. Đồng thời giáo dục học sinh phát triển toàn diện, có kỹ năng sống, luôn năng động, sáng tạo, có ý chí vươn lên.
- Quá trình thành lập và phát triển: Trường Tiểu học Thanh Hải được thành lập từ năm 1954. Sau nhiều lần sáp nhập, đổi tên đến tháng 5 năm 1995 trường được đổi tên thành trường tiểu học Thanh Hải theo quyết định số 46/QĐ/UB ngày 6/5/1995 của UBND huyện Nam Thanh về việc đổi tên các trường cấp 1 và cấp 2. Trải qua hơn 71 năm xây dựng và trưởng thành, trường đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ, từ mái trường thân yêu này đã đào tạo nhiều thế hệ học sinh thành đạt, nhiều người trong số họ đã trở thành những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, nắm giữ những trọng trách chủ chốt ở các cấp, các ngành; có nhiều người hiện nay là những doanh nhân thành đạt,... Năm 2005 trường UBND tỉnh công nhận trường Chuẩn quốc gia mức độ 1. Năm 2017 trường được UBND tỉnh công nhận trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2. Năm 2025 được công nhận kiểm định chất lượng mức độ 3 theo quyết định số 699/QĐ-SGDĐT ngày 14/4/2025 của Sở giáo dục và đào tạo về việc cấp Giấy chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và Chuẩn quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 700/QĐ-SGDĐT ngày 14/4/2025 của Sở giáo dục và Đào tạo Hải Dương về việc cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.
- Cơ cấu tổ chức: Năm học 2024 - 2025 trường có 40 lớp, 1360 học sinh, 62 cán bộ, giáo viên, nhân viên (3 cán bộ quản lý, 54 giáo viên và 5 nhân viên). Nhà trường có đủ loại hình giáo viên dạy các môn học Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục, Ngoại ngữ, Tin học. Nhà trường có 3 tổ chuyên môn: tổ 1, tổ 2+3, tổ 4+5 và một tổ văn phòng.
- Các tổ chức Đảng, đoàn thể: Có chi bộ Đảng với 25 đảng viên đạt tỷ lệ 40,3%. Chi Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 14 đoàn viên. Công đoàn có 62 đoàn viên.
- Hiệu trưởng: Phạm Ngọc Hiền; số điện thoại: 0914755569. Quyết định bổ nhiệm số 2122/QĐ-UBND ngày 25/06/2024.

- Phó hiệu trưởng: Nguyễn Thị Sứa; số điện thoại: 0973053693. Quyết định bổ nhiệm số 278/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2021

- Phó hiệu trưởng: Nguyễn Thị Tuyên; số điện thoại: 0339268088. Quyết định bổ nhiệm số 257/QĐ-UBND ngày 21/01/2025.

- Có chiến lược phát triển nhà trường đến năm 2030. Có đầy đủ các quy chế, nghị quyết của trường và hội đồng trường.

- Danh sách hội đồng trường (theo quyết định số 165/QĐ-GDDT ngày 30/12/2024 của trường phòng GDDT huyện Thanh Hà) gồm các ông (bà) có tên sau:

1	Phạm Ngọc Hiền	BTCB - Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Thị Sứa	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch
3	Phạm Thị Thảo	Thư ký hội đồng	Thư ký
4	Phạm Thị Thúy	CTCB	Ủy viên
5	Dương Thị Lan Ngọc	TT tổ Văn phòng	Ủy viên
6	Nguyễn Thị Yên	TT tổ 4,5	Ủy viên
7	Lê Thị Hiền	TT tổ 2, 3	Ủy viên
8	Bùi Thị Tuyết	TT tổ 1	Ủy viên
9	Đặng Danh Tuấn	BT chi đoàn	Ủy viên
10	Nguyễn Thị Hòa	ĐUV phụ trách chi bộ	Ủy viên
11	Vũ Thị Ngọc Thủy	Đại diện cha mẹ học sinh	Ủy viên

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

Vị trí việc làm	Tổng	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo						Chuẩn NN				Bồi dưỡng			
				Đạt chuẩn		Trên chuẩn		Chưa đạt chuẩn		Đạt		Chưa đạt		Đạt		Chưa đạt	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Hiệu trưởng	1	0	0			1	1.6	0		1	1.6			1	1.6		
Phó hiệu trưởng	2	1	0	2	100	0		0		2	100			2	100		
Giáo viên	54	52	0	54	100	0	0	0		54	100	0		54	100		
Nhân viên																	
- Văn thư	1	1	0	1													
- Kế toán	1	1	0	1													
- Y tế -TQ	1	1	0	1													
- Thư viện	1	1	0	1													
- Thiết bị	1	1	0	1													
Cộng	62	58	0	61	100	1	1.6	0		57	100			57	100		

- So với năm học 2023-2024 giảm 02 giáo viên; số giáo viên đạt chuẩn trình độ Đại học tăng 01.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Cảnh quan sư phạm xanh - sạch - đẹp là điểm sáng văn hoá của xã Thanh Hải

nói riêng và của cấp Tiểu học huyện Thanh Hà nói chung. Trường được xây dựng trên khuôn viên với tổng diện tích rộng 8191 m² (*diện tích bình quân/HS là 6,02 m²/HS thiếu 3,98 m²/HS so với quy định*) có đủ 43 phòng học kiên cố cao tầng và đầy đủ các công trình phụ trợ đảm bảo phục vụ tốt nhất cho công tác dạy học của nhà trường. Cơ sở vật chất của nhà trường đạt các tiêu chuẩn của trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2. Thư viện đạt Thư viện chuẩn mức độ 2 năm 2025 (Năm học 2023-2024 là thư viện xuất sắc).

- Trường có đủ phòng học và một số phòng học chức năng theo quy định.

- Các phòng học được bố trí đảm bảo an toàn theo quy định. 100% các phòng học được lắp đặt đèn chống cận cho học sinh. Các khối lớp được trang bị thiết bị dạy học hiện đại: máy chiếu, ti vi...

Loại phòng	Số lượng hiện có	Số lượng theo quy định
1. Khối phòng học tập:		
Phòng học	40	40
Phòng Âm nhạc	1	1
Phòng Tin học	1	2
Phòng Mỹ thuật	0	1
Phòng Ngoại ngữ	1	2
Phòng đa chức năng	0	1
2. Khối phòng hỗ trợ học tập:		
Phòng thư viện	1	1
Phòng thiết bị	1	1
Tư vấn học đường và hỗ trợ KT	1	1
Phòng truyền thống	0	1
Phòng Đội TNTP	1	1
3. Khối phụ trợ		
Phòng họp	1	1
Phòng Y tế	0	1
Phòng kho	1	1
Nhà xe HS	3	Đảm bảo quy định
Khu vệ sinh HS	3	Đảm bảo quy định
Cổng trường và tường bao	Có đủ	Đảm bảo quy định
4. Khu sân chơi bãi tập		
Sân tập	600 m ²	Đảm bảo quy định
Sân chơi	3900 m ²	Đảm bảo quy định
5. Khu phục vụ sinh hoạt		
Nhà bếp		Đảm bảo quy định
Kho bếp		Đảm bảo quy định
Nhà ăn		Đảm bảo quy định
Phòng ngủ bán trú		Đảm bảo quy định

- Hạ tầng kỹ thuật: Có đủ hệ thống nước sạch, điện, hệ thống thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy và thu gom rác thải theo quy định.

- Thiết bị dạy học: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ giáo dục và đào tạo

(Lớp 1: Đúng quy định; Lớp 2-5: Chưa đảm bảo).

- Các phòng học bộ môn có đủ bàn ghế và trang thiết bị theo quy định.
- Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:
 - + Lớp 1: Toán, Tiếng việt, Tự nhiên xã hội, Đạo đức, Giáo dục thể chất, Âm nhạc (Cánh diều), Mĩ thuật (Sự dân chủ và bình đẳng), Tiếng Anh (Global Success)
 - + Lớp 2: Toán, Tiếng việt, Tự nhiên xã hội, Đạo đức, Giáo dục thể chất, Âm nhạc (Cánh diều), Mĩ thuật (Chân trời sáng tạo), Tiếng Anh (Global Success)
 - + Lớp 3: Toán, Tiếng việt, Tự nhiên xã hội, Đạo đức, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Tin học, Công nghệ (Cánh diều), Mĩ thuật (Chân trời sáng tạo), Tiếng Anh (Global Success)
 - + Lớp 4: Toán, Tiếng việt, Tự nhiên xã hội, Đạo đức, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Tin học, Công nghệ (Cánh diều), Mĩ thuật (Chân trời sáng tạo), Tiếng Anh (discovery).
 - + Lớp 5: Toán, Tiếng việt, Tự nhiên xã hội, Đạo đức, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Khoa học, Lịch sử và Địa lí (Kết nối tri thức), Tin học, Công nghệ, Mĩ thuật (Cánh diều), Tiếng Anh (Global Success)
- + Tổng số sách đã được lựa chọn sử dụng: 7350 cuốn.
- Cơ sở vật chất, danh mục sách giáo khoa, thiết bị dạy học giữ nguyên so với năm học 2023-2024.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

- Kết quả tự đánh giá kiểm định chất lượng: Đạt mức độ 3.
- Kết quả đánh giá ngoài: Đạt mức độ 3.
- Đã thực hiện việc đánh giá ngoài (năm học 2023-2024 chỉ thực hiện tự đánh giá).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin hoạt động giáo dục.

a. Tổng số tuyển sinh lớp 1 năm 2024-2025 là 260 (giảm 23 HS so với năm học 2023-2024)

- Tổng số học sinh Khối 1 là 263 (bình quân 32,875 HS/lớp), Khối 2 là 283 (bình quân 35,375 HS/lớp), Khối 3 là 240 (bình quân 34,285 HS/lớp), Khối 4 298 (bình quân 33,111 HS/lớp), Khối 5 là 275 (bình quân 34,375 HS/lớp). Số học sinh giảm 31 học sinh so với năm học 2023-2024, tỉ lệ học sinh/lớp giảm 0,775 HS/lớp.

- Số học sinh học 2 buổi/ngày là 1359/1359 đạt 100%.
- Số lượng học sinh nam/học sinh nữ là 728/631 đạt tỉ lệ 1,153.
- Học sinh là dân tộc thiểu số là 5 học sinh.
- Học sinh khuyết tật là 11 học sinh.
- Số lượng học sinh chuyển đi là 21 học sinh.
- Số lượng học sinh chuyển đến là 15 học sinh.

b. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế.

- Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học là 275/275 học sinh đạt tỉ lệ 100%.
- Chất lượng giáo dục: (có phụ lục kèm theo)

Khen thưởng: 862/1399 HS đạt 61,6%.

- Chất lượng các hoạt động mũi nhọn đạt nhiều kết quả cao trong các cuộc thi, kì giao lưu, cụ thể:

+ Tham gia thi IOE tiếng Anh qua mạng:

- Học sinh khối 4,5 tham gia thi *Tiếng Anh qua mạng Internet IOE* cấp quốc gia kết quả cao, có 3 HS được vinh danh cấp quốc gia (trong đó có 1 giải Đồng, 2 giải Khuyến khích, 31 em Hoàn thành Tốt).

+ Học sinh các khối lớp tham gia thi đấu trường VIOEDU cấp Tỉnh đạt nhiều giải cao cụ thể:

- Đấu trường Tiếng Anh: 1 giải Vàng, 1 giải Bạc, 3 giải Đồng.

- Đấu trường tổng hợp: 3 giải Vàng, 9 giải Bạc, 11 giải Đồng và 16 giải Khuyến khích.

+ Tham gia Trạng nguyên Tiếng Việt:

- Có 42 học sinh tham gia Trạng nguyên Tiếng Việt cấp huyện trong đó có 17 em đạt giải Nhất, 10 em giải Nhì, 4 em giải Ba, 1 em giải Khuyến khích.

- Có 32 học sinh tham gia Trạng nguyên cấp Tỉnh trong đó có 22 giải Nhất, 8 giải Nhì, 1 giải Ba, 1 giải Khuyến khích.

+ Tham gia thi cờ vua cấp huyện đạt kết quả cao: Có 02 giải Nhất, 01 giải Ba, 02 giải Khuyến khích.

Công tác phổ cập được ổn định, phổ cập đúng độ tuổi được duy trì, giữ vững, được đánh giá là đơn vị hoàn thành xuất sắc công tác phổ cập giáo dục và được kiểm tra công nhận đạt chuẩn Phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

a, Nguồn ngân sách

Nguồn kinh phí thường xuyên/tự chủ năm 2024: **10.905.386.000 đồng**

Trong đó:

+ Tiêu mục 6000 Tiền lương	5.592.029.220
+ Tiêu mục 6050 Tiền công trả cho vị trí lao động TX	83.894.880
+ Tiêu mục 6200 Tiền thưởng	37.630.000
+ Tiêu mục 6250 Phúc lợi tập thể	36.600.000
+ Tiêu mục 6100 Phụ cấp lương	3.001.062.528
+ Tiêu mục 6150 Hỗ trợ chi phí học tập	
+ Tiêu mục 6300 Các khoản đóng góp BHXH	1.528.042.276
+ Tiêu mục 6400 Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	169.793.573
+ Tiêu mục 6500 Thanh toán dịch vụ công cộng	81.975.802
+ Tiêu mục 6550 Vật tư văn phòng	70.151.767
+ Tiêu mục 6600 Thông tin tuyên truyền liên lạc	14.698.000
+ Tiêu mục 6650 Hội nghị	
+ Tiêu mục 6700 Công tác phí	7.720.000
+ Tiêu mục 6750 Chi phí thuê mướn (GV hợp đồng, bảo vệ)	40.220.000
+ Tiêu mục 6900 sửa chữa TS	125.269.900
+ Tiêu mục 6950 mua sắm tài sản phục vụ công tác CM	
+ Tiêu mục 7000 Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành	106.210.790
+ Tiêu mục 7050 Mua sắm TS cố định vô hình	3.000.000
+ Tiêu mục 7750 Chi khác	7.087.264

b, Nguồn kinh phí không thường xuyên/không tự chủ năm 2024: **884.026.729 đồng**.

Trong đó:

+ Tiêu mục 6050 Tiền công trả cho vị trí lao động TX	104.636.000
+ Tiêu mục 6400 Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	42.000.000
+ Tiêu mục 7750 Chi khác	20.000.000
+ Tiêu mục 6150 Học bổng và hỗ trợ khác cho HS	79.026.000
+ Tiêu mục 6200 Tiền thưởng Mã nguồn 18	314.398.000
+ Tiêu mục 6112 Phụ khác (GV dạy khuyết tật)	323.966.729

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Ghi chú
I	Các khoản thu theo Quy định tại Nghị quyết 17/HĐND tỉnh dịch vụ bán trú		
1	Dịch vụ bán trú		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
1.2	Mức thu: - Tiền ăn 20.000 đồng/HS/bữa: - Phụ phí: 40.000 đồng/HS/tháng. - Công chăm sóc phục vụ bán trú: 120.000 đồng/HS/tháng - Trang thiết bị phục vụ bán trú: 200.000 đồng/HS/khóa học		
1.3	Tổng số thu trong năm	2.250.740.000	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2.250.740.000	
1.5	Số chi trong năm	2.250.740.000	
	Trong đó: - Chi mua thực phẩm bán trú, trả tiền phụ phí, công phục vụ, trông trưa, quản lý bán trú	2.195.200.000	
	- Trả lại tiền ăn cho HS nghỉ ốm	23.940.000	
	- Trang thiết bị phục vụ bán trú.	31.600.000	
1.6	Số dư cuối năm	0	
2	Số liên lạc điện tử (Enetviet)		
2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
2.2	Mức thu 10.000đ/HS/tháng		
2.3	Tổng số thu trong năm	114.679.000	
2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	114.679.000	

2.5	Số chi trong năm nộp Công ty cổ phần tập đoàn công nghệ Quảng Ích	114.679.000	
2.6	Số dư cuối năm	0	
3	Vệ sinh trường lớp, nhà vệ sinh		
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	723.630	
3.2	Mức thu 70.000đ/HS/tháng		
3.3	Tổng số thu trong năm	95.130.000	
3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	95.130.000	
3.5	Số chi trong năm	87.506.000	
3.6	Số dư cuối năm	8.347.630	
II	Các khoản thu theo quy định tại các văn bản khác		
1	Trông xe đạp		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
1.2	Mức thu: 10.000 đồng/HS/tháng		
1.3	Tổng số thu trong năm	55.290.000	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	55.290.000	
1.5	Số chi trong năm: Trong đó	44.931.999	
	- Chi trông giữ xe, quản lý	33.253.000	
	- Chi cơ sở vật chất	3.169.999	
	- Chi nộp thuế TNDN, thuế GTGT 10%	5.509.000	
1.6	Số dư cuối năm	13.358.001	
2	Nước uống cho học sinh		
2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
2.2	Mức thu 7.000đ/tháng		
2.3	Tổng số thu trong năm	85.600.000	
2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	85.600.000	
2.5	Số chi trong năm: trong đó	85.600.000	
	- Chi mua nước uống cho học sinh	85.600.000	
2.6	Số dư cuối năm	0	

3	Giáo dục kĩ năng sống		
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
3.2	Mức thu 12.000đồng/HS/tiết		
3.3	Tổng số thu trong năm	465.750.000	
3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	465.750.000	
3.6	Số chi trong năm: Trong đó	462.493.998	
	- 38% chi nộp công ty	176.985.000	
	- Chi giáo viên trực tiếp dạy, nộp thuế TNDN 2%, Quả lý, CSVC.	285.508.998	
3.7	Số dư cuối năm	3.256.002	
4	Học 2 buổi/ngày		
4.1	Số dư năm trước chuyển sang	26.509.294	
4.2	Mức thu 846.056đ/tháng/năm		
4.3	Tổng số thu trong năm	1.115.688.296	
4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.115.688.296	
4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾	1.115.688.296	
4.6	Số chi trong năm	1.096.329.508	
	- 80% chi giáo viên trực tiếp dạy	874.699.623	
	- chi công tác QL, thuế TNDN, chi cơ sở vật chất	221.629.885	
4.7	Số dư cuối năm	45.868.082	
5	Học câu lạc bộ Mĩ thuật, Bóng đá, Cờ Vua		
5.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
5.2	Mức thu 12.000đ/HS/tiết		
5.3	Tổng số thu trong năm	75.336.000	
5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	75.336.000	
5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁴⁾		
5.6	Số chi trong năm	75.336.000	
	- Chi giáo viên dạy	51.680.804	
	- Chi quản lý, thuế TNDN 2 %,chi CSVC	22.222.265	
5.7	Số dư cuối năm	1.432.931	
III	Các khoản thu hộ, chi hộ		

1	Bảo hiểm y tế học sinh		
1.1	Dư ĐK	0	
1.2	Số học sinh		
1.3	Mức thu: 73.710 tháng		
1.4	Tổng thu	940. 941.382	
1.5	Đã chi	940. 941.382	
1.6	Dư CK	0	

b. Công khai chính sách hỗ trợ chi phí học tập, chính sách học bổng HS khuyết tật năm học 2024-2025

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Học kì I năm học 2024-2025	34	36.126.000	4 tháng
Học kì II năm học 2024-2025	22	35.820.000	5 tháng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Công tác tham mưu:

Trong năm học này, nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với Đảng, chính quyền địa phương về nhiệm vụ chính trị và thực hiện kế hoạch của nhà trường. Các tổ chức chính trị xã hội, hội cha mẹ học sinh luôn cộng tác đắc lực với nhà trường trong việc giáo dục học sinh; tham gia đóng góp hàng trăm ngày công lao động.

2. Công tác xây dựng cơ sở vật chất:

Cảnh quan sư phạm xanh - sạch - đẹp là điểm sáng văn hoá của xã Thanh Hải nói riêng và của cấp Tiểu học huyện Thanh Hà nói chung. Trường được xây dựng trên khuôn viên rộng 8191 m², có đủ 43 phòng học kiên cố cao tầng và đầy đủ các công trình phụ trợ đảm bảo phục vụ tốt nhất cho công tác dạy học của nhà trường. Cơ sở vật chất của nhà trường đạt các tiêu chuẩn của trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2. Thư viện đạt Thư viện chuẩn mức độ 2 năm 2025.

3. Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ giáo viên:

Nhà trường luôn xác định: Công tác xây dựng đội ngũ là điều kiện quyết định đến thành công trong phong trào thi đua “Hai tốt”.

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tích cực bồi dưỡng giáo viên về chuyên môn nghiệp vụ, về ứng xử sư phạm, về kỹ năng giao tiếp... Phong trào tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên được giáo viên hưởng ứng tích cực. 100% giáo viên tham gia học tập, xây dựng kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng. Nhà trường chỉ đạo đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, dạy thực hành, dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng và điều chỉnh nội dung dạy học các môn học theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT. Năm học 2024 - 2025 nhà trường đã tổ chức thành công nhiều chuyên đề các cấp cụ thể: 3 chuyên đề cấp trường, 12 chuyên đề cấp tổ.

Trong năm học qua trường có 11 giáo viên dạy giỏi cấp Huyện, có 01 giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh, trên 80% giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường. Xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên đoàn kết, cộng đồng trách nhiệm, có phẩm

chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao. Tăng cường kiểm tra đánh giá đội ngũ, đánh giá xếp loại giáo viên theo “Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học”.

4. Công tác quản lý và cải cách hành chính:

Triển khai và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động lớn của ngành, làm tốt công tác tư tưởng chính trị, xây dựng khối đại đoàn kết thống nhất, cùng nhau tháo gỡ, vướng mắc khó khăn. Xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể năm, tháng, tuần với biện pháp sát hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, giao nhiệm vụ cụ thể tới từng thành viên để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Quản lý chỉ đạo chuyên môn một cách chặt chẽ, đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng giảng dạy của từng giáo viên, có biện pháp bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

Chỉ đạo chặt chẽ, tổ chức tập huấn, tư vấn, kiểm tra việc đánh giá xếp loại học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học và đánh giá chuẩn Hiệu trưởng theo Thông tư 20/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 và thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018.

Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động của các đoàn thể và giáo viên theo kế hoạch đã đề ra. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo, không dạy thêm, học thêm trái quy định.

Thực hiện tốt công tác công khai, dân chủ trong nhà trường, đảm bảo dân chủ tập trung. Triển khai tốt các cuộc vận động do các cấp phát động. Phát động các phong trào thi đua theo từng đợt, từng chủ điểm trong năm học, 100% cán bộ công chức, viên chức, học sinh hưởng ứng nhiệt tình, đạt kết quả cao.

Tích cực đổi mới công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả việc quản lý phổ cập giáo dục, quản lý đánh giá xếp loại học sinh, quản lý tài chính, quản lý thư viện, quản lý công tác thi đua bằng hồ sơ điện tử. 100% thu góp thực hiện thu góp không sử dụng tiền mặt. Quản lý chỉ đạo chuyên môn một cách chặt chẽ, đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tích cực bồi dưỡng đội ngũ, chỉ đạo giáo viên tích cực khai thác, tìm kiếm, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Chỉ đạo chặt chẽ việc kiểm tra đánh giá xếp loại giáo viên, học sinh. Trường luôn giữ vững danh hiệu Tập thể Lao động Tiên Tiến.

5. Kết quả thi đua năm học 2024 - 2025:

Tổng số cán bộ giáo viên là 62, 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao; đề nghị 60/62 cá nhân đạt danh hiệu Lao động Tiên Tiến, tỉ lệ 96,8%; trong đó đề nghị 10/62 cá nhân đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở tỉ lệ 16,1%, 10/62 cá nhân được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen đạt tỉ lệ 16,1%, 02/62 cá nhân được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen đạt tỉ lệ 3,2%.

6. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Nhà trường đã thường xuyên tuyên truyền, giáo dục cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và mọi quy định của ngành. Chế độ chính sách đối với người lao động được thực hiện đầy đủ và kịp thời.

Nhà trường luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần tới cán bộ

giáo viên và học sinh. Luôn giúp đỡ, động viên cán bộ, nhân viên, chia sẻ lúc vui, buồn, vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ giáo viên, nhân viên ngày càng nâng cao. Chế độ chính sách đối với người lao động được thực hiện đầy đủ và kịp thời. Công tác xã hội từ thiện được chú trọng, tích cực tham gia các việc làm nhân đạo như: giúp đỡ người tàn tật, ủng hộ người nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn ...

7. Hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể.

100% cán bộ, đảng viên đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chi bộ năm 2023 đạt danh hiệu Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Công đoàn: Xây dựng tập thể đoàn kết, thúc đẩy chuyên môn; thường xuyên quan tâm đời sống vật chất, tinh thần của đoàn viên công đoàn, động viên đoàn viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Giữ vai trò xung kích trong các hoạt động. Xây dựng kế hoạch cụ thể, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng. Chỉ đạo tốt các chương trình công tác đội, chỉ đạo có hiệu quả chương trình phát thanh măng non, thường xuyên tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, hoạt động có nề nếp và chất lượng cao. Phối hợp với nhà trường tổ chức chuyên đề cấp Tỉnh tiết Hoạt động trải nghiệm (tiết chào cờ).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Phạm Ngọc Hiền